

Số: 34 /2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 668/TTr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2023 và bãi bỏ Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Sơn La, Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (đăng tải);
- Các phòng: KT, TH, NC – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT – Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 34 /2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt gồm: phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 2 Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường; chất thải công kênh tại khoản 6 Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường; chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân tại khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn tỉnh Sơn La (bao gồm cả người nước ngoài).

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, gồm: các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (kể cả tổ chức nước ngoài) trên địa bàn tỉnh Sơn La có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày (sau đây gọi tắt là chủ nguồn thải) được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các cơ sở tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ sử dụng trong quy định này được hiểu như sau:

a) Chất thải rắn công kênh là những loại chất thải rắn có kích thước lớn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người, là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, đệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây.

b) Cộng đồng dân cư là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn bản, xóm, tiểu khu, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên địa bàn tỉnh Sơn La.

c) Chủ dự án đầu tư là chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

2. Các từ ngữ khác quy định tại Điều 3 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 3 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ sử dụng trong quy định này gồm:

a) Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

b) Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải.

c) Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

d) Xử lý chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.

đ) Tái chế chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải.

e) Cơ sở xử lý chất thải là cơ sở có hoạt động xử lý chất thải (bao gồm cả hoạt động tái chế, đồng xử lý chất thải) cho các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

g) Nơi công cộng là công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Theo các nguyên tắc của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

3. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế để khai thác tối đa giá trị tài nguyên của chất thải rắn sinh hoạt.

4. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm và nghĩa vụ phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Cơ sở vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyên giao cho cơ sở xử lý chất thải có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyên giao cho cơ sở vận chuyển khác đảm bảo quy định để vận chuyển.

6. Ưu tiên đầu tư công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện đại, thân thiện với môi trường, có thu hồi năng lượng và thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt; không đầu tư mới công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ bằng hình thức chôn lấp trực tiếp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải được phân loại thành các nhóm sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy, nhựa, kim loại,...).

2. Chất thải thực phẩm (các phần thải bỏ từ sơ chế, chế biến thức ăn, các loại rau, củ, quả thải bỏ; thức ăn thừa; thực phẩm hỏng,...).

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm:

a) Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng đốt cháy (lá cây, cành cây, gỗ,...).

b) Chất thải trơ, chất thải khó phân hủy (chai, lọ thủy tinh, bình gốm, sứ không tái sử dụng, tái chế được phải thải bỏ,...).

c) Chất thải rắn công kênh gồm những vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, đệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây... không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 1, khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này. Các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm tháo dỡ và giảm kích thước trước khi vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển. Chất thải rắn công kênh sau khi tháo dỡ phải phân loại thành các sản phẩm có thể tái chế, tái sử dụng và chỉ thải bỏ các thành phần không thể tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu tối đa việc phát thải ra môi trường và tận dụng triệt để giá trị nguồn tài nguyên từ chất thải. Đối với tủ, giường, đệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Đối với gốc cây, thân cây, cành cây bó gọn, giảm kích thước, thể tích.

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại.

4. Các đối tượng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 quy định này phải thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này từ ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 6. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại Điều 5 thực hiện lưu giữ như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải thực phẩm, chất thải rắn sinh hoạt khác sau khi phân loại thực hiện quản lý theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, chất thải thực phẩm đựng trong bao bì, thiết bị có màu xanh; chất thải rắn sinh hoạt khác: chất thải rắn sinh hoạt có khả năng đốt cháy đựng trong bao bì, thiết bị có màu đen, chất thải trơ, chất thải khó phân hủy đựng trong bao bì, thiết bị có màu trắng, chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại đựng trong bao bì, thiết bị có màu vàng. Bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt

đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Khuyến khích sử dụng bao bì là chất liệu dễ phân hủy sinh học.

2. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, địa điểm để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

3. Chất thải rắn công kênh phải được hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải lưu giữ, không được vứt bừa bãi tại các nơi công cộng, ao, hồ, sông, suối... gây ô nhiễm môi trường.

Điều 7. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau.

b) Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

c) Có thể tiếp nhận và xử lý sơ bộ (tháo dỡ, giảm thể tích...) các loại chất thải rắn công kênh nhằm tăng cường tái sử dụng và tái chế các loại chất thải rắn công kênh đã tiếp nhận; các thành phần không thể tái sử dụng, tái chế được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển; xác định vị trí, thời gian tập kết, hoạt động và quy mô tiếp nhận của các điểm tập kết, trạm trung chuyển cho từng khu, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này với quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm. Bố trí ít nhất một điểm tập kết, trạm trung chuyển để tiếp nhận, xử lý sơ bộ chất thải rắn công kênh phát sinh trên địa bàn đảm bảo quy định.

Điều 8. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (khi Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thực hiện) lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, ban quản lý chung cư, trưởng thôn, xóm, bản xác định thời gian, địa điểm, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng, đảm bảo theo quy định. Việc bố trí thời gian thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cần lưu ý tránh trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc

chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông, tại các khu vực cửa ngõ ra vào đô thị; các trung tâm thương mại, dịch vụ, các khu vực công cộng tập trung đông người. Tần suất thu gom phải đảm bảo thu gom kịp thời chất thải rắn sinh hoạt không để chất thải gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

3. Đối với chất thải rắn công kênh sau khi được tháo dỡ vẫn có kích thước lớn, hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy định này có thể tự vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quy định này phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đối với phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh phải đáp ứng quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

1. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế để tái chế, tái sử dụng.

2. Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng địa phương, đối với các địa phương có đất vườn rộng, Ủy ban nhân dân cấp xã khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại hộ gia đình như: ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình phải xử lý tập trung tại khu xử lý bằng phương pháp làm phân bón hữu cơ, phương pháp nhiệt hóa, chôn lấp hợp vệ sinh hoặc các phương pháp hiện đại, thân thiện với môi trường khác (hạn chế tối đa việc chôn lấp).

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác

a) Phải được xử lý tập trung tại khu xử lý chất thải.

b) Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác có khả năng đốt cháy: Với vùng sâu, vùng xa, điều kiện khó khăn, khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân tận dụng để làm nhiên liệu trong nấu ăn hoặc xử lý tập trung tại khu xử lý chất thải.

c) Đối với chất thải công kênh: Căn cứ tính chất của từng loại chất thải sau khi phân rã, phân loại để xử lý riêng từng loại như đối với chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

1. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm:

a) Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

d) Người dân khi đi lại trên đường, những nơi công cộng có nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt phải bỏ vào thùng chứa công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định.

đ) Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

e) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

g) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm đối với Quy định này đến các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật.

h) Chịu hình thức xử phạt nếu vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải.

a) Được nhà nước, các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi đã thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo quy định.

b) Được khen thưởng, tuyên dương và công nhận gia đình văn hóa khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc hiến kế, góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và một số quy định sau:

1. Quản lý, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn theo Hợp đồng ký kết; quét dọn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên đường, hè phố, nơi công cộng; theo dõi kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại theo quy định tại Điều 5 Quy định này và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Báo cáo định kỳ tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp thu gom trong địa bàn khu công nghiệp), Sở Công thương (trong trường hợp thu gom trong địa bàn cụm công nghiệp) trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và một số quy định sau:

1. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Chủng loại, thành phần chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận, xử lý phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của cơ sở xử lý chất thải.

2. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá và môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

4. Được quyền kiểm tra các chất thải chuyển giao đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và từ chối tiếp nhận các loại chất thải không phải là chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn sinh hoạt không phân loại.

5. Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết.

6. Báo cáo định kỳ tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và các quy định hiện hành.

c) Phối hợp với Sở Tài chính hằng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ, hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, đảm bảo quá trình cung ứng dịch vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định kỹ thuật đối với bao bì lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư (dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ) và trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan.

g) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định tại Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn nhà đầu tư, chủ đầu tư về trình tự xây dựng các khu xử lý, trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt khi có yêu cầu.

b) Hướng dẫn, tham gia ý kiến về quy hoạch; thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp các khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với các dự án xử

lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, công bố đơn giá về thu gom, vận chuyển và ban hành giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, có kết hợp thu hồi năng lượng từ chất thải, không thu hút các dự án xử lý sử dụng công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp.

b) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư.

d) Tham mưu ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho công tác liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định tại Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Sở Tài chính

a) Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành và dự toán do các cơ quan đơn vị đề nghị, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp cho các cơ quan đơn vị thực hiện hỗ trợ các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trong công tác thu, chi, quản lý nguồn kinh phí thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sử dụng, quyết toán kinh phí theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh ban hành mới hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt (dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao) thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; đánh giá năng lực công nghệ; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giám sát các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép vào chương trình dạy học các nội dung, kiến thức về bảo vệ môi trường nhằm tuyên truyền, giáo dục trẻ em, học sinh giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường tại nhà, trường học và nơi công cộng, có ý thức thu gom, phân loại và xử lý rác thải theo đúng quy định.

8. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Công an các huyện, thành phố tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

9. Cục Thuế tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường trong xây dựng, điều chỉnh phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện chứng từ, thanh quyết toán tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

10. Các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng Quy định này.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; kịp thời

đưa tin các địa phương làm tốt công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định này, đồng thời đưa tin các trường hợp bị xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt để làm gương cho đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan rà soát, đánh giá tình trạng hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện môi trường; bảo đảm giảm dần tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ phát triển.

3. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh; xây dựng lộ trình và chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xử lý triệt để các bãi chôn lấp rác thải tự phát không theo quy định và ngăn chặn việc hình thành các bãi chôn lấp tự phát mới.

4. Hằng năm xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

5. Công bố danh mục vị trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Bố trí các thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân phát sinh nơi công cộng để thu gom, phân loại đảm bảo theo Quy định này.

6. Tổ chức thẩm định quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng công trình, dự án khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

7. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân đảm bảo công tác vệ sinh môi trường. Ứng dụng công nghệ trong quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

8. Tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân theo quy định và phù hợp với thực tế tại địa phương đối với những dịch vụ được chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước (hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện).

9. Đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở xử lý đặt tại địa bàn ký hợp đồng xử lý và chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của khu xử lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở xử

lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên huyện, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt, chế biến phân hữu cơ hoặc công nghệ khác với chôn lấp trực tiếp tạo điều kiện hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các huyện liên quan theo văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên.

10. Chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng vệ sinh, nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện của các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

11. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định này trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Định kỳ kiểm tra, ghi nhận hiện trạng và đánh giá việc thực hiện các quy định hiện hành về y tế tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt gây ra trên địa bàn quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân tại các thôn, xóm, bản, tổ dân phố và các tổ chức tự quản trên địa bàn; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương.

2. Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; tuyên truyền, vận động các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư thực hiện việc phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; thực hiện niêm yết công khai hợp đồng cung ứng dịch vụ đã ký kết của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phổ biến rộng rãi về thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cách thức xác định, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, phổ biến đến người dân, để làm cơ sở tính toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân theo quy định và phù hợp với thực tế tại địa phương; nghiệm thu, xác nhận khối lượng công việc thực hiện của các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý đối với những dịch vụ được chi trả từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (khi Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thực hiện).

4. Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải đến điểm tập kết, trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

5. Hướng dẫn chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn, xóm, bản tham gia giữ gìn vệ sinh đường giao thông, nơi công cộng, thực hiện quy chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân và đăng ký thực hiện quy ước, cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường.

7. Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền hoặc hợp đồng ký kết (nếu có); phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vứt, đổ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định; trực tiếp xem xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết.

8. Định kỳ hằng năm (trước ngày 10 tháng 01) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề xảy ra ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt gây ra trên địa bàn quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) theo phân cấp hiện hành hoặc huy động từ các nguồn xã hội hóa, nguồn vốn ODA, các nguồn vốn hợp pháp khác (từ các chương trình, dự án, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, ...).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, thanh toán các công tác liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo Quy định này.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 quy định này đã thực hiện ký kết hợp đồng với các cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó có nội dung chưa đúng với Quy định này thì phải thực hiện điều chỉnh,

bổ sung hoặc ký kết lại hợp đồng cung ứng dịch vụ theo đúng Quy định này từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện hằng năm trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy định này trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới; Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung Quy định này đảm bảo phù hợp với quy định mới và phù hợp với điều kiện của tỉnh nếu cần thiết/.